

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Khánh Linh

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Ông Lương Duy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 09/2025/TLST-LĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 17/2025/QĐST-LĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Phạm Thị Hương N, sinh ngày 1995;

Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện V, tỉnh T1.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Chị Phạm Thị T2, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: thôn M 1, xã T3, huyện V, tỉnh T1.

2.2. Công ty TNHH T4;

Địa chỉ: Lô E6 + E7, khu công nghiệp P, thành phố T1, tỉnh T1.

2.3. Bảo hiểm xã hội tỉnh T1;

Địa chỉ: Số 07, đường L, phường L1, thành phố T1, tỉnh T1.

(Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, chị Phạm Thị Hương N trình bày:

Từ tháng 12/2011 đến tháng 4/2017, chị Phạm Thị Hương N làm công nhân vẽ tại Công ty TNHH T4, khi ký kết hợp đồng lao động chị N đã mượn giấy tờ của chị Phạm Thị T2 và lấy tên Phạm Thị T2 để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T4. Chị N không lưu giữ được hợp đồng lao động nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy trên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động mang tên Phạm Thị T2 và Công ty TNHH T4 nhưng thực tế chị N là người trực tiếp làm việc và tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội nhưng dưới họ tên là Phạm Thị T2, số sổ bảo hiểm xã hội 3412002381.

Chị N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết mang tên chị Phạm Thị T2 (trên thực tế là chị Phạm Thị Hương N ký) và Công ty TNHH T4 trong thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 4/2017 là vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị T2 trình bày:

Từ tháng 12/2011 đến tháng 4/2017 chị đã cho chị Phạm Thị Hương N mượn chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị T2 để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T4. Trên thực tế, chị Phạm Thị Hương N là người ký hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH T4, nhưng trên hợp đồng lao động ký kết giữa chị N với công ty, người lao động tên là Phạm Thị T2 và sổ bảo hiểm xã hội của chị N đóng trong thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 4/2017 mang tên Phạm Thị T2, số sổ bảo hiểm xã hội 3412002381. Trong thời gian đó chị T2 làm công nhân may công nghiệp tại Công ty TNHH I và có sổ bảo hiểm xã hội là 3415007212. Vì vậy chị T2 bị trùng thời gian đóng bảo hiểm là 05 năm 05 tháng.

Nay chị N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa chị Phạm Thị T2 (trên thực tế là chị N ký) và Công ty TNHH T4 trong thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 4/2017 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật. Chị T2 hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của chị N và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH T4 trình bày:

Công ty xác nhận chị Phạm Thị T2 có thời gian công tác tại Công ty TNHH T4 trong thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 4/2017. Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ cho chị Phạm Thị T2, số sổ bảo hiểm xã hội 3412002381 từ tháng 12/2011 đến tháng 4/2017. Nay chị N có đơn đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa chị Phạm Thị T2 (trên thực tế là chị N ký) và Công ty TNHH T4 trong thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 4/2017 là vô hiệu, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh T1 trình

bày:

Chị Phạm Thị T2, sinh ngày 28/8/1990, tại số sổ bảo hiểm xã hội 3412002381 có thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty TNHH T4 từ tháng 12/2011 đến tháng 4/2017 là 05 năm 05 tháng. Tổng số tiền đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 47.924.943 đồng, trong đó người sử dụng lao động đóng 32.605.440 đồng, người lao động đóng 15.319.503 đồng. Hiện nay Bảo hiểm xã hội tỉnh không lưu giữ Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH T4 và chị Phạm Thị T2 từ tháng 12/2011 đến tháng 4/2017. Bảo hiểm xã hội tỉnh T1 đề nghị Tòa án xử lý yêu cầu của chị Phạm Thị Hương N theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình căn cứ vào Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 15, Điều 16, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Hương N, tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa chị Phạm Thị Hương N (hồ sơ mang tên Phạm Thị T2) với Công ty TNHH T4 trong thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 4/2017 là vô hiệu. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Điều chỉnh thông tin nhân thân sổ BHXH số 3412002318 từ tên Phạm Thị T2 thành Phạm Thị Hương N. Chị N và chị T2 có quyền liên hệ với BHXH tỉnh T1 để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Phạm Thị T2 thành Phạm Thị Hương N để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Về lệ phí: Chị Phạm Thị Hương N phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH T4 có địa chỉ tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Do Hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH T4 và chị Phạm Thị T2 (do chị Phạm Thị Hương N ký) vào tháng 12/2011 đến tháng 4/2017 nên áp

dụng Bộ luật Lao động năm 1994 để giải quyết. Tuy nhiên Bộ luật Lao động năm 1994 không có điều luật quy định về hợp đồng lao động vô hiệu và hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu, do đó cần áp dụng Bộ luật Lao động năm 2012 và Bộ luật Lao động năm 2019 để giải quyết.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động đã ký kết giữa chị Phạm Thị Hương N (hồ sơ mang tên Phạm Thị T2) với Công ty TNHH T4 trong thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 4/2017 là vô hiệu thì thấy:

Việc chị Phạm Thị Hương N mượn chứng minh nhân dân của chị Phạm Thị T2 để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T4 là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của chị Phạm Thị Hương N là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.2.] Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu:

Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký kết hợp đồng lao động giữa chị Phạm Thị Hương N (hồ sơ mượn tên chị Phạm Thị T2) với Công ty TNHH T4 nhưng trên thực tế chị N có làm việc tại công ty, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc công ty có đóng bảo hiểm cho chị N (mang tên chị Phạm Thị T2, số sổ bảo hiểm xã hội là 3412002381). Do vậy cần điều chỉnh tên Phạm Thị T2 trên Sổ bảo hiểm xã hội số 3412002381 thành Phạm Thị Hương N. Chị Phạm Thị Hương N và chị Phạm Thị T2 có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T1 để làm thủ tục điều chỉnh thông tin từ Phạm Thị T2 thành Phạm Thị Hương N để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Về lệ phí: Chị Phạm Thị Hương N phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Hương N.
2. Tuyên bố: Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH T4 và chị Phạm Thị T2 (do chị Phạm Thị Hương N ký) trong thời gian từ tháng 12/2011 đến tháng 4/2017 là vô hiệu.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Điều chỉnh thông tin nhân thân số sổ bảo hiểm xã hội 3412002381 từ Phạm Thị T2, sinh ngày 28/8/1990, căn cước công dân số 034190016237 ngày cấp 17/9/2021, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thành Phạm Thị Hương N, sinh ngày 07/6/1995, căn cước công dân số 034195009493 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021. Chị Phạm Thị T2 và chị Phạm Thị Hương N có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T1 để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Phạm Thị T2 thành Phạm Thị Hương N.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Phạm Thị Hương N phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000181 ngày 06/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Phạm Thị Hương N, Công ty TNHH T4, chị Phạm Thị T2, Bảo hiểm xã hội tỉnh T1 có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Bình;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Phạm Khánh Linh